TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG NINH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/DS-ST
Ngày: 09 -7 - 2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi, họ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhàn,

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ba,

2. Ông Văn Anh Trình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh,

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Triều, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2019, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2018/TLST-TCDS ngày 17 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi, họ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXX-ST ngày 22 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị M, địa chỉ: Thôn P, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị C, địa chỉ: Thôn P, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

3. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Q, địa chỉ: Thôn P, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 12 năm 2018 và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị M trình bày: Năm 2013, tôi là tiểu thương tại buôn bán tại chợ M, xã G, được các chị em trong chợ tín nhiệm bầu làm trưởng hội và nhờ giữ tiền hội. Tháng 02 năm 2013, bà Lê Thị C có tham gia

nộp 03 dây hội, dây thứ nhất nộp 3.000.000 đồng/tháng; dây thứ hai 3.000.000 đồng/tháng; dây thứ ba 1.000.000 đồng/tháng. Bà C góp hội được hai tháng thì bà C bốc hội. Sau khi bốc hội, bà C không đóng tiền hội cho tôi để tôi trả tiền cho những người đóng hội khác. Vì bà C tham gia nhiều hội, nhiều lần tôi đã đến nhà đòi nhưng bà C không chịu trả. Ngày 29 tháng 9 năm 2014, bà C đã chốt sổ số tiền còn nợ là 42.000.000 đồng. Tôi đề nghị Tòa án buộc bà C phải có trách nhiệm trả số nợ trên cho tôi, tôi không yêu cầu bà C phải trả lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05 tháng 3 năm 2019, bị đơn bà Lê Thị C trình bày: Vào năm 2014, tôi có chơi hội tại bà Phạm Thị M 02 dây hội, một hội nộp 1.000.000 đồng/tháng, một hội nộp 3.000.000 đồng/tháng, thời hạn 12 tháng. Tôi đã nộp cho bà M còn nợ lại 21.000.000 đồng, do bà M nợ tiền hội của bà Nguyễn Thị Q nên bà M đã trừ sang để tôi trả cho bà Q. Tôi đã trả xong cho bà Q, giữa tôi và bà M không còn nợ gì nữa. Đối với giấy nợ ngày 29/9/2014 là giấy nợ tôi đã viết "Chị C còn nợ của bà M 42.000.000 đồng" là tôi đã trả xong khi còn chơi hội nhưng do tôi chưa lấy lại giấy nên bà M đã đưa giấy này để khởi kiện.

Tôi đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của bà M vì thực tế tôi chỉ nợ 21.000.000 đồng và đã trả xong cho bà Q (bà M nợ bà Q 25.000.000 đồng).

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Q trình bày: Năm 2013, tôi có tham gia góp hụi tại bà Phạm Thị M và ông T để tiết kiệm tiền làm ăn. Hàng tháng, tôi nộp cho bà M 1.500.000 đồng, hội gồm 20 người. Sau đó, bà M bể hụi nên còn nợ của tôi gần 30.000.000 đồng, tôi đã nhiều lần yêu cầu bà M phải trả, đến ngày 16/9/2014 bà M đã chuyển số tiền nợ 20.000.000 đồng cho bà C, để bà C trả cho tôi, số tiền còn lại bà M tự sang cho cháu của tôi để cháu tôi trả cho tôi. Bà Lê Thị C đã trả xong cho tôi, giữa tôi và bà Phạm Thị M không có liên quan gì. Còn việc bà Phạm Thị M và Lê Thị C nợ nần của nhau tôi hoàn toàn không biết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình phát biểu ý kiến và quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng thẩm quyền, nghĩa vụ tố tụng; bị đơn, người làm chứng vắng mặt lần thứ hai, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Theo giấy nhận nợ thì bà Lê Thị C còn nợ của bà Phạm Thị M số tiền 42.000.000 đồng; căn cứ Điều 471 của Bộ luật dân sự; các điều 17, 18, 19, 21, 22, 31 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M, buộc bà C phải trả cho bà M số tiền 42.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Phạm Thị M khởi kiện bà Lê Thị C yêu cầu trả tiền hụi còn nợ chưa thanh toán, các đương sự có nơi cư trú tại địa bàn huyện Quảng Ninh. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Quan hệ pháp luật được xác định trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi, họ" theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do giao dịch được xác lập trước ngày 01 tháng 01 năm 2017 và đang được thực hiện nên áp dụng quy định tại điểm b Điều 688, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị định số 144/2006/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hụi, họ, biêu, phường để giải quyết trong vụ án này.

[3] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự và tiến hành các bước theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn bà Lê Thị C, người làm chứng bà Nguyễn Thị Q vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà C, bà Q.

[4] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn bà Phạm Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị C phải trả 42.000.000 đồng tiền nợ hụi, bà C cho rằng nợ của bà M 21.000.000 đồng nhưng bà M đã sang để trả cho bà Q và bà đã trả xong. Đối với giấy nợ ngày 29/9/2014 ghi "Chị C còn nợ của bà M 42.000.000 đồng" bà C thừa nhận của mình viết nhưng đã trả xong cho bà M, do bà C chưa lấy lại giấy nên bà M đã đưa giấy này để khởi kiện. Tòa án đã triệu tập bà C nhiều lần để cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích của mình nhưng bà C không có mặt. Tại phiên tòa, bà M thừa nhận Bà đã chuyển số nợ của bà Nguyễn Thị Q sang cho bà C để bà C trả cho bà Q, sau khi trả xong bà C vẫn đang còn nợ lại số tiền tiền 42.000.000 đồng, nếu bà C trả xong phải lấy lại giấy nợ hoặc yêu cầu Bà phải gạch sổ. Hội đồng xét xử xét thấy, bà C còn nợ tiền góp hụi đã được chốt giấy nợ có cả hai bên ký vào giấy, như vậy bà C nợ tiền góp hụi của bà M là có thật, bà C cho rằng đã trả xong cho bà M nhưng không có căn cứ, tài liệu gì để chứng minh, do đó cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà C phải có trách nhiệm trả số tiền còn nợ cho bà M. Bà M không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị C phải chịu án phí 2.100.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Yêu cầu của bà M được chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 17, 18, 19, 21, 22, 31 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 quy định về họ, hụi, biêu, phường; Điều 26 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị M. Buộc bà Lê Thị C phải trả cho bà Phạm Thị M số tiền nợ hụi 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng) .

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền gốc, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Lê Thị C phải nộp 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Phạm Thị M số tiền 531.000 đồng (Năm trăm ba mươi mốt nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0004668 ngày 17/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Lưu VP, Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhàn